



máo tǎn

毛毯

noun · blanket

Example Sentences

Tiān qì lěng le wǒ gài le yī tiáo máo tǎn
天气冷了，我盖了一条毛毯。

The weather got cold, so I covered myself with a blanket.

Zhè tiáo máo tǎn shì yòng yáng máo zuò de fēi cháng nuǎn huo
这条毛毯是用羊毛做的，非常暖和。

This blanket is made of wool and is very warm.

Trace each character, then write the word on your own.

毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛													
毯	毯	毯	毯	毯	毯	毯	毯	毯	毯	毯	毯								
毯	毯	毯	毯																